TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH LỤC** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phong và bà Dương Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1987; nơi thường trú và cư trú: Thôn 2 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1981; nơi thường trú và cư trú: Thôn 2 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 12/3/2007. Trước khi kết hôn anh chị được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V hay uống rượu, đánh đập, chửi bới vợ con nhiều lần và đã được chính quyền, Công an xã đến làm việc, anh V đã xin lỗi và

cam kết hứa không đánh đập chị. Tuy nhiên, anh V vẫn không thay đổi và vẫn tiếp tục đánh đập, chửi bới chị. Công an xã B đã gọi chị lên để làm các thủ tục cho anh V đi cơ sở giáo dục bắt buộc nhưng tôi không đồng ý. Bên cạnh đó, anh V không chịu lao động, chia sẻ công việc gia đình con cái với chị. Chị cảm thấy quá sức chịu đựng, chán nản và mệt mỏi và vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, đến đời sống chung vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn V để chị sớm ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024, bị đơn anh Trần Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam ngày 12/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 12/01/2023 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn trong việc xây dựng nhà ở, đồng thời chị H hay cãi ngang, thỉnh thoảng anh nóng tính có dùng bạo lực đối với chị H. Đến ngày 15/01/2023 (âm lịch) chị H về nhà bố mẹ đẻ cùng 02 con, đồng thời vợ chồng ly thân từ thời gian này cho đến nay. Nay, anh xác định anh vẫn còn yêu thương vợ con, chị H xin ly hôn anh không nhất trí và xin hứa với vợ và các con không bao giờ chửi và đánh vợ con nữa.

Về con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng có hai con chung là các cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2007 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 12/5/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H, anh V đều đề nghị giao chị H nuôi dưỡng cả hai cháu Quỳnh A, Quốc Đ; anh V không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Chị H, anh V đều xác định anh chị không có con nuôi, con riêng gì. Hiện tại chị Hợp không có thai sản gì.

Tại các Biên bản lấy lời khai của cháu Trần Thị Quỳnh A và cháu Trần Quốc Đ đều cùng ngày 19/4/2024 thì cháu Quỳnh A và cháu Quốc Đ đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H và anh V đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Văn V chưa

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị H và anh V; về con chung: Giao chị Ngô Thị H nuôi dưỡng các cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2007 và Trần Quốc Đ, sinh ngày 12/5/2014; anh V không góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H; về án phí ly hôn: chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị H xin ly hôn anh Trần Văn V, đây là quan hệ pháp luật về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh V có nơi thường trú và cư trú tại thôn 2 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Trần Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/3/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường xuyên uống rượu, đánh đập chị H nhiều lần, đã được chính quyền và Công an xã B đến làm việc, anh V cam kết không đánh đập chị H nhưng anh V vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2022 chị H cùng 02 con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H ở và vợ chồng ly thân nhau từ thời gian cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh V nhưng anh V không nhất trí. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng anh V đều vắng mặt

không có lý do và không có thiện chí hợp tác. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã B thì địa phương có quan điểm mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H anh V là trầm trọng, khả năng đoàn tụ của chị H anh V là khó và đề nghị Tòa án giải quyết việc anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị xảy ra đã lâu và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H, anh V đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2007 và cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 12/5/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H, anh V đều đề nghị giao chị H nuôi dưỡng cả hai cháu Quỳnh A và Quốc Đ; anh V không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện cháu Quỳnh A và cháu Quốc Đ đang ở ổn định với chị H; các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện chị H có nơi ở ổn định và có thu nhập hàng tháng khoảng 07 triệu đồng, còn anh V không có nghề nghiệp gì. Do vậy để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của hai cháu Quỳnh A, Quốc Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H, anh V; giao cho chị H nuôi dưỡng cả hai cháu Quỳnh A và Quốc Đ. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh V đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Ngô Thị H ly hôn anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/10/2007 và cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Ngô Thị H nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với các cháu Trần Thị Quỳnh A và Trần Quốc Đ.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000610 ngày 26/3/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị H đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Ngô Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Trần Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng